

Số: 52 /2024/QĐST-HNGĐ

Phú Mỹ, ngày 15 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 91/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Lê Thị T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã C, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Ông Trần Văn T, sinh năm 1991. Hộ khẩu thường trú: Tổ A, ấp T, xã C, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lê Thị T và ông Trần Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Pha, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân, bà T và ông T có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng và cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Ngày 05 tháng 4 năm 2024, Thẩm phán tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, giải thích về quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, về các vấn đề khác liên quan đến hôn nhân và gia đình. Tại phiên hòa giải, bà Lê Thị T và ông Trần Văn T giữ nguyên yêu cầu ly hôn, kết quả hòa giải đoàn tụ không thành.

[2] Những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Trần Văn T thuận tình ly hôn.

[2.2] Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Bà Lê Thị T và ông Trần Văn T có một con chung là Trần Đăng K, sinh ngày 14/9/2015. Khi ly hôn, bà Lê Thị T và ông Trần Văn T thống nhất giao con chung Trần Đăng K cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông Trần Văn T không cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông T không yêu cầu giải quyết.

[2.4] Về lệ phí: Bà Lê Thị T và ông Trần Văn T mỗi người tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Xét thấy, sự thỏa thuận nêu trên là tự nguyện, bảo đảm quyền lợi chính đáng của người vợ và con, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Trần Văn T thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Giao con chung Trần Đăng K, sinh ngày 14/9/2015 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông Trần Văn T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị T và ông Trần Văn T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 3086 ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Bà Lê Thị T và ông Trần Văn T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TX. Phú Mỹ;
- Nơi ĐKKH: UBND xã C.
- (CNKH số 153 ngày 19/11/2012),
- Chi cục THADS TX. Phú Mỹ;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ, VP.

Bùi Thị Huyền